

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2023 - 2024

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

| STT | Nội dung | Tổng số | Chức danh | | Trình độ đào tạo | | | | | Hạng chức danh nghề nghiệp | | |
|----------|---------------------------------------|--------------|-----------|-------------|------------------|--------------|-----------|----------|---------------|----------------------------|---------|--------|
| | | | Giáo sư | Phó Giáo sư | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | Cao đẳng | Trình độ khác | Hạng III | Hạng II | Hạng I |
| I | Tổng số | 1.259 | 1 | 23 | 95 | 1.044 | 96 | - | - | | | |
| 1 | Giảng viên cơ hữu theo ngành | | | | | | | | | | | |
| a | Khối ngành I | - | - | - | - | - | - | - | - | | | |
| b | Khối ngành II | 24 | - | 3 | 2 | 19 | - | - | - | | | |
| | Ngành Thanh nhạc | 5 | - | - | 1 | 4 | - | - | - | | | |
| | Ngành Piano | 3 | - | 2 | - | 1 | - | - | - | | | |
| | Ngành Đạo diễn điện ảnh, truyền hình | 7 | - | 1 | - | 6 | - | - | - | | | |
| | Ngành Công nghệ điện ảnh, truyền hình | 9 | - | - | 1 | 8 | - | - | - | | | |
| c | Khối ngành III | 453 | - | 6 | 21 | 388 | 38 | - | - | | | |
| | Ngành Quản trị kinh doanh | 169 | - | 2 | 4 | 142 | 21 | - | - | | | |
| | Ngành Tài chính - Ngân hàng | 54 | - | 1 | 2 | 44 | 7 | - | - | | | |
| | Ngành Công nghệ tài chính | 2 | - | 1 | 1 | - | - | - | - | | | |
| | Ngành Kế toán | 42 | - | - | 1 | 39 | 2 | - | - | | | |
| | Ngành Kinh doanh thương mại | 4 | - | 1 | 3 | - | - | - | - | | | |
| | Ngành Marketing | 69 | - | - | 1 | 64 | 4 | - | - | | | |
| | Ngành Luật | 52 | - | - | 2 | 46 | 4 | - | - | | | |

| STT | Nội dung | Tổng số | Chức danh | | Trình độ đào tạo | | | | | Hạng chức danh nghề nghiệp | | |
|----------|---|------------|-----------|-------------|------------------|------------|-----------|----------|---------------|----------------------------|---------|--------|
| | | | Giáo sư | Phó Giáo sư | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | Cao đẳng | Trình độ khác | Hạng III | Hạng II | Hạng I |
| | Ngành Thương mại điện tử | 40 | - | - | 4 | 36 | - | - | - | | | |
| | Ngành Kiểm toán | 10 | - | - | 2 | 8 | - | - | - | | | |
| | Ngành Quản trị nhân lực | 11 | - | 1 | 1 | 9 | - | - | - | | | |
| d | Khối ngành IV | 9 | - | - | 3 | 6 | - | - | - | | | |
| | Ngành Công nghệ sinh học | 9 | - | - | 3 | 6 | - | - | - | | | |
| đ | Khối ngành V | 233 | - | 3 | 22 | 193 | 15 | - | - | | | |
| | Ngành Công nghệ thông tin | 86 | - | - | 5 | 73 | 8 | - | - | | | |
| | Ngành Khoa học máy tính | 16 | - | - | 2 | 14 | - | - | - | | | |
| | Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | 90 | - | - | 5 | 80 | 5 | - | - | | | |
| | Ngành Kỹ thuật điện tử, viễn thông | 12 | - | 1 | 1 | 8 | 2 | - | - | | | |
| | Ngành Công nghệ thực phẩm | 16 | - | 1 | 5 | 10 | - | - | - | | | |
| | Ngành Kỹ thuật môi trường | 3 | - | - | 3 | - | - | - | - | | | |
| | Ngành Kỹ thuật xây dựng | 10 | - | 1 | 1 | 8 | - | - | - | | | |
| e | Khối ngành VI | 10 | - | - | 10 | - | - | - | - | | | |
| | Ngành Điều dưỡng | 10 | - | - | 10 | - | - | - | - | | | |
| g | Khối ngành VII | 530 | 1 | 11 | 37 | 438 | 43 | - | - | | | |
| | Ngành Kinh tế | 45 | - | - | 3 | 40 | 2 | - | - | | | |
| | Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 44 | - | - | 3 | 39 | 2 | - | - | | | |
| | Ngành Quản trị khách sạn | 54 | 1 | - | 2 | 44 | 7 | - | - | | | |
| | Ngành Du lịch | 25 | - | 1 | 1 | 22 | 1 | - | - | | | |
| | Ngành Ngôn ngữ Anh | 61 | - | - | 2 | 54 | 5 | - | - | | | |
| | Ngành Ngôn ngữ Pháp | 3 | - | - | 2 | - | 1 | - | - | | | |
| | Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc | 53 | - | - | 1 | 49 | 3 | - | - | | | |
| | Ngành Ngôn ngữ Nhật | 39 | - | - | 3 | 29 | 7 | - | - | | | |

| STT | Nội dung | Tổng số | Chức danh | | Trình độ đào tạo | | | | | Hạng chức danh nghề nghiệp | | |
|----------|------------------------------------|---------|-----------|-------------|------------------|---------|---------|----------|---------------|----------------------------|---------|--------|
| | | | Giáo sư | Phó Giáo sư | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | Cao đẳng | Trình độ khác | Hạng III | Hạng II | Hạng I |
| | Ngành Đông phương học | 38 | - | 1 | 2 | 33 | 2 | - | - | | | |
| | Ngành Quan hệ quốc tế | 15 | - | - | 2 | 13 | - | - | - | | | |
| | Ngành Tâm lý học | 27 | - | 2 | 4 | 18 | 3 | - | - | | | |
| | Ngành Văn học | 8 | - | 4 | - | 4 | - | - | - | | | |
| | Ngành Xã hội học | 7 | - | 2 | 1 | - | 4 | - | - | | | |
| | Ngành Quan hệ công chúng | 57 | - | 1 | 4 | 51 | 1 | - | - | | | |
| | Ngành Truyền thông đa phương tiện | 52 | - | - | 5 | 42 | 5 | - | - | | | |
| | Ngành Việt Nam học | 2 | - | - | 2 | - | - | - | - | | | |
| 2 | Giảng viên cơ hữu môn chung | | | | | | | - | - | | | |

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|----------------------|---------------------|------------|-----------|-------------|------------------|--------------------------------|
| Khối ngành II | | | | | | |
| 1 | Nông Văn Hiếu | 19/03/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Thanh nhạc |
| 2 | Bùi Thị Phương Đông | 30/06/1974 | Nữ | | Tiến sĩ | Thanh nhạc |
| 3 | Nguyễn Phước Toàn | 12/11/1968 | Nam | | Thạc sĩ | Thanh nhạc |
| 4 | Đặng Thanh Liêm | 26/02/1966 | Nam | | Thạc sĩ | Thanh nhạc |
| 5 | Lê Thị Như Ngọc | 17/01/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Thanh nhạc |
| 6 | Đàm Tuấn Khôi | 02/11/1957 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Piano |
| 7 | Trần Thị Bích Len | 02/10/1997 | Nữ | | Thạc sĩ | Piano |
| 8 | Nguyễn Thiệu Hoa | 24/06/1952 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Piano |
| 9 | Nguyễn Việt Đức | 16/11/1958 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Đạo diễn điện ảnh, truyền hình |
| 10 | Hồ Duy Trường | 02/01/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Đạo diễn điện ảnh, truyền hình |
| 11 | Huỳnh Hoàng Cư | 29/12/1974 | Nam | | Thạc sĩ | Đạo diễn điện ảnh, truyền hình |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----------------------|------------------------|------------|-----------|-------------|------------------|---------------------------------|
| 12 | Nguyễn Hoàng Bảo Trân | 22/10/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Đạo diễn điện ảnh, truyền hình |
| 13 | Nguyễn Huỳnh Phước Tín | 02/11/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Đạo diễn điện ảnh, truyền hình |
| 14 | Võ Đình Thuật | 12/02/1975 | Nam | | Thạc sĩ | Đạo diễn điện ảnh, truyền hình |
| 15 | Bùi Minh Tiết | 27/07/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Đạo diễn điện ảnh, truyền hình |
| 16 | Trương Thị Ngọc Bích | 23/04/1977 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ điện ảnh, truyền hình |
| 17 | Nguyễn Thị Thanh Phúc | 25/12/1994 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ điện ảnh, truyền hình |
| 18 | Đoàn Thanh Triền | 02/11/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ điện ảnh, truyền hình |
| 19 | Đoàn Quốc Duy | 10/05/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ điện ảnh, truyền hình |
| 20 | Phạm Ngọc Hiền | 18/11/1979 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ điện ảnh, truyền hình |
| 21 | Mạch Thị Mỹ Thanh | 26/04/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ điện ảnh, truyền hình |
| 22 | Trần Mai Hồng | 28/10/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ điện ảnh, truyền hình |
| 23 | Âu Nguyễn Thanh Nguyên | 01/04/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ điện ảnh, truyền hình |
| 24 | Võ Minh Tuấn | 19/06/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ điện ảnh, truyền hình |
| Khối ngành III | | | | | | |
| 1 | Trương Văn Khánh | 18/02/1974 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ tài chính |
| 2 | Trần Huy Hoàng | 28/02/1960 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Công nghệ tài chính |
| 3 | Phan Thị Việt Ánh | 13/01/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 4 | Vũ Hồng Cường | 17/05/1974 | Nam | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 5 | Trần Thị Ngọc | 11/08/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 6 | Nguyễn Thị Tiệp | 27/08/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 7 | Vũ Thị Quý | 05/10/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 8 | Cao Thu Hà | 30/05/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 9 | Nguyễn Thị Nhật Linh | 07/05/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 10 | Nguyễn Thị Kiều Thu | 14/09/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 11 | Phan Thị Tuyết Trinh | 01/02/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 12 | Trần Minh Hiếu | 11/10/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 13 | Lê Văn Danh | 01/06/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 14 | Phan Thị Trà Mỹ | 02/04/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 15 | Cao Thị Thu Hà | 18/03/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|--------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 16 | Nguyễn Trần Phương Giang | 07/12/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 17 | Đỗ Hoàng Anh Thư | 17/09/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 18 | Lương Thị Ngọc Lệ Tuyền | 13/05/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 19 | Trần Thị Minh Hải | 07/10/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 20 | Huỳnh Thị Trúc Thanh | 20/06/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 21 | Hoàng Thị Bích Thủy | 29/05/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 22 | Lâm Minh Nhật | 06/01/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 23 | Trần Thị Thủy Tiên | 13/01/1972 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 24 | Huỳnh Ngọc Vân Anh | 02/01/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 25 | Lê Thị Quế Phương | 09/07/1982 | Nữ | | Đại học | Kế toán |
| 26 | Phan Thị Kim Dung | 15/02/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 27 | Nguyễn Thị Cẩm Ly | 02/01/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 28 | Phạm Thanh Tú | 16/01/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 29 | Đặng Thị Huỳnh Như | 23/03/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 30 | Nguyễn Ái Nhi | 21/01/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 31 | Lê Thị Ngọc Thương | 12/07/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 32 | Trần Thị Bích Trâm | 14/11/1995 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 33 | Nguyễn Hoàng Sang | 14/02/1992 | Nam | | Đại học | Kế toán |
| 34 | Nguyễn Thị Hoàng Oanh | 11/11/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 35 | Võ Thị Ngân Tâm | 03/11/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 36 | Dương Thị Huyền Trân | 28/06/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 37 | Phạm Thị Bé Tý | 15/10/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 38 | Nguyễn Thị Liêm | 07/07/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 39 | Nguyễn Việt Thúy An | 02/04/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 40 | Trần Ái Tiên | 16/07/1996 | Nữ | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 41 | Trương Hoài Hiếu | 28/09/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 42 | Vũ Thanh Long | 27/06/1980 | Nam | | Tiến sĩ | Kế toán |
| 43 | Nguyễn Thanh Giang | 25/03/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Kế toán |
| 44 | Nguyễn Hữu Nhân | 29/03/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Kế toán |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| 45 | Trần Xuân Kiên | 10/10/1943 | Nam | | Tiến sĩ | Kiểm toán |
| 46 | Doanh Thị Ngân Hà | 14/03/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Kiểm toán |
| 47 | Nguyễn Đăng Hoan | 29/03/1996 | Nam | | Thạc sĩ | Kiểm toán |
| 48 | Nguyễn Thị Kim Thanh | 11/09/1978 | Nữ | | Thạc sĩ | Kiểm toán |
| 49 | Đào Văn Hào | 31/01/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Kiểm toán |
| 50 | Nguyễn Ngọc Thi Thanh | 22/11/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Kiểm toán |
| 51 | Tiêu Hoàng Vũ | 07/01/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Kiểm toán |
| 52 | Võ Tấn Liêm | 16/04/1991 | Nam | | Tiến sĩ | Kiểm toán |
| 53 | Phạm Hồng Khải | 18/08/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Kiểm toán |
| 54 | Nguyễn Thị Tuyết Nhi | 07/02/1996 | Nữ | | Thạc sĩ | Kiểm toán |
| 55 | Nguyễn Văn Thái | 16/06/1936 | Nam | Phó giáo sư | Đại học | Kinh doanh thương mại |
| 56 | Trương Quang Đô | 05/10/1976 | Nam | | Tiến sĩ | Kinh doanh thương mại |
| 57 | Hà Thị Loan | 31/12/1976 | Nữ | | Tiến sĩ | Kinh doanh thương mại |
| 58 | Nguyễn Văn Lâm | 01/10/1962 | Nam | | Tiến sĩ | Kinh doanh thương mại |
| 59 | Phạm Quỳnh Hoa | 31/07/1977 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 60 | Sái Thị Thu Hương | 10/02/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 61 | Phạm Thị Bích Ngọc | 27/09/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 62 | Nguyễn Thị Mỹ Linh | 04/06/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 63 | Lê Ngọc Khánh | 15/07/1960 | Nam | | Tiến sĩ | Luật |
| 64 | Nguyễn Minh Đức | 18/02/1971 | Nam | | Tiến sĩ | Luật |
| 65 | Vũ Thị Nga | 18/10/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 66 | Trần Minh Khôi | 20/10/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 67 | Phạm Thị Việt | 20/01/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 68 | Võ Danh Quý | 09/04/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 69 | Trương Thị Ngọc Thanh | 17/09/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 70 | Nguyễn Việt Tú | 02/02/1972 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 71 | Nguyễn Song Toàn | 02/09/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 72 | Nguyễn Hữu Duy | 04/12/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 73 | Chê Thị Linh | 08/10/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 74 | Nguyễn Thị Minh Trục | 02/08/1998 | Nữ | | Đại học | Luật |
| 75 | Nguyễn Xuân Hòa | 03/08/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 76 | Trương Lương Thu | 14/03/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 77 | Võ Nguyễn Khánh Huyền | 12/03/1996 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 78 | Lê Thị Lê Na | 20/06/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 79 | Lê Khả Luận | 06/01/1997 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 80 | Thái Đoàn Minh Nhựt | 21/09/1998 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 81 | Trương Thanh Bình | 13/12/1999 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 82 | Phạm Thị Hải Hà | 16/09/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 83 | Lê Thị Kim Ngân | 25/08/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 84 | Trịnh Tường Khiêm | 28/07/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 85 | Lê Thị Mai Anh | 05/10/1998 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 86 | Vũ Gia Kiên | 02/08/1972 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 87 | Phan Việt Thắng | 11/10/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 88 | Trần Vũ Thanh Phương | 07/08/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 89 | Ngô Ngọc Đức | 14/09/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 90 | Đào Thanh An | 19/12/1985 | Nam | | Đại học | Luật |
| 91 | Thái Thành Nhân | 27/09/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 92 | Chu Mạnh Hiền | 23/08/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 93 | Trương Công Thảo | 29/09/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 94 | Đào Thùy Dương | 08/06/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 95 | Nguyễn Ngọc Thanh Trang | 13/10/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 96 | Phạm Lý Thùy Hương | 21/09/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 97 | Đỗ Thị Minh Phụng | 02/01/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 98 | Nguyễn Thuận An | 11/11/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 99 | Huỳnh Thành Hưng | 20/01/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 100 | Phan Mộng Hồng Lam | 20/02/1978 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 101 | Lê Thị Thanh Tuyền | 12/01/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 102 | Bùi Thanh Vũ | 15/02/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 103 | Phạm Thị Minh Nguyệt | 17/05/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 104 | Kim Phước Hòa | 25/07/1998 | Nam | | Đại học | Luật |
| 105 | Nguyễn Thị Cẩm Thu | 28/07/1996 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 106 | Định Thị Ánh Hồng Vương | 27/12/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 107 | Hoàng Ngọc Lam | 29/11/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 108 | Nguyễn Trà My | 31/12/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Luật |
| 109 | Lê Thị Lụa | 28/07/1992 | Nữ | | Đại học | Luật |
| 110 | Nguyễn Văn Ân | 01/04/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Luật |
| 111 | Phạm Thanh Hương | 27/09/1976 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 112 | Cao Thị Hồng Hạnh | 06/01/1971 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 113 | Vũ Thùy Linh | 02/10/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 114 | Nguyễn Thị Thúy | 11/01/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 115 | Võ Thị Trà My | 09/02/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 116 | Lê Thị Ngọc Hà | 23/11/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 117 | Nguyễn Thục Huyền Thư | 13/07/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 118 | Đoàn Nguyên Việt | 20/03/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 119 | Nguyễn Thị Lệ | 02/05/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 120 | Đặng Hiếu | 06/01/1968 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 121 | Đặng Thị Thanh Cúc | 16/03/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 122 | Lê Thị Xuân Hoa | 28/03/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 123 | Nguyễn Thị Trinh | 12/05/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 124 | Trương Nhật Bình | 24/12/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 125 | Phạm Ngọc Duy | 26/03/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 126 | Nguyễn Thị Yên Như | 24/12/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 127 | Nguyễn Anh Phúc | 24/10/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 128 | Lê Chí Thanh | 08/07/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 129 | Định Thị Bảo Yến | 17/01/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 130 | Đỗ Xuân Thủy | 06/05/1968 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 131 | Hoàng Hải Dương | 24/07/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|---------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 132 | Nguyễn Phương Hiền | 20/07/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 133 | Ngô Thị Kiều Oanh | 08/01/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 134 | Phan Thị Kim Hạnh | 20/05/1977 | Nữ | | Đại học | Marketing |
| 135 | Huỳnh Thị Yến Trinh | 22/10/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 136 | Lê Hoàng Xuân Oanh | 03/07/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 137 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên | 17/07/1992 | Nữ | | Đại học | Marketing |
| 138 | Nguyễn Hiếu Thảo | 18/05/1978 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 139 | Phan Quan Việt | 04/01/1970 | Nam | | Tiến sĩ | Marketing |
| 140 | Phạm Trung Hiếu | 28/06/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 141 | Nguyễn Duy Cường | 09/12/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 142 | Trần Ngọc Thanh Phong | 15/02/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 143 | Bùi Khánh An | 01/08/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 144 | Nguyễn Đại Dương | 25/12/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 145 | Trương Nguyệt Thảo Nguyên | 01/03/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 146 | Khương Nguyễn Thùy Lan | 08/10/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 147 | Trần Thị Oanh | 26/09/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 148 | Nguyễn Thị Hồng Vân | 24/08/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 149 | Lê Phan Trúc Quỳnh | 07/03/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 150 | Nguyễn Thị Lan Dung | 19/09/1995 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 151 | Nguyễn Tú Kỳ | 12/11/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 152 | Nguyễn Phương Duy | 10/03/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 153 | Nguyễn Thị Diễm My | 04/07/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 154 | Đoàn Hoàng Hải | 12/04/1951 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 155 | Phan Minh Thắng | 01/11/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 156 | Nguyễn Văn Toán | 15/09/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 157 | Bùi Hoài Lam | 30/10/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 158 | Nguyễn Thanh Hà | 17/02/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 159 | Ngô Thị Bích Huyền | 30/04/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 160 | Nguyễn Thị Phương Dung | 19/04/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 161 | Mai Thị Anh Đào | 20/11/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 162 | Nguyễn Trần Ngọc Linh | 17/08/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 163 | Đoàn Anh Tuấn | 29/09/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 164 | Ngô Đăng Khoa | 16/01/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 165 | Nhan Phương Thái | 12/03/1996 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 166 | Nguyễn Lê Vương Ngọc | 09/01/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 167 | Ngô Nhật Phương | 21/04/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 168 | Nguyễn Hồ Ngọc Chăm | 08/08/2000 | Nữ | | Đại học | Marketing |
| 169 | Võ Hoàng Bắc | 19/12/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 170 | Đặng Nguyệt Thanh | 18/03/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 171 | Nguyễn Thành Thơ | 09/09/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 172 | Cao Hoàng Mẫn | 01/10/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 173 | Lê Minh Nguyên | 01/01/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 174 | Lê Thị Hồng Nhung | 17/10/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 175 | Phan Thị Thúy Phương | 02/11/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Marketing |
| 176 | Nguyễn Hoàng Thịnh | 14/02/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 177 | Nguyễn Tuấn Kiệt | 17/12/1974 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 178 | Trần Quốc Triệu | 10/04/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Marketing |
| 179 | Hà Duy Bảo | 17/11/1996 | Nam | | Đại học | Marketing |
| 180 | Trần Thanh Hương | 27/09/1972 | Nam | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 181 | Nguyễn Ngọc Linh | 18/09/1973 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 182 | Hoàng Sơn Tùng | 21/05/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 183 | Nguyễn Thị Lan Anh | 17/12/1975 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 184 | Phạm Phương Mai | 13/07/1976 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 185 | Nguyễn Thị Nga | 06/04/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 186 | Nguyễn Đăng Lâm | 15/05/1974 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 187 | Nguyễn Thị Lan Hương | 04/01/1975 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 188 | Nguyễn Thị Hiệp | 11/01/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 189 | Nguyễn Tấn Bình | 03/07/1958 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| 190 | Đặng Trường Khánh | 28/08/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 191 | Đình Tiên Hoàng | 01/01/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 192 | Nguyễn Thành Tín | 25/01/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 193 | Nguyễn Thị Huế | 29/04/1952 | Nữ | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 194 | Nguyễn Thị Nhung | 14/03/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 195 | Vương Thanh Ngọc | 25/08/1972 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 196 | Nguyễn Xuân Bắc | 03/08/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 197 | Vũ Thị Lan Anh | 18/06/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 198 | Trần Thị Hòa | 25/10/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 199 | Hoàng Văn Minh | 24/05/1973 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 200 | Nguyễn Tất Thành | 24/07/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 201 | Trần Thị Hoài | 25/09/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 202 | Lê Quang Chung | 17/10/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 203 | Vũ Thị Loan | 15/12/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 204 | Lê Xuân Kỳ | 07/03/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 205 | Trịnh Xuân Hoàn | 14/05/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 206 | Lê Minh Đức | 18/10/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 207 | Vũ Thị Ngọc | 10/03/1990 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 208 | Hà Thị Hồng Hà | 10/10/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 209 | Thái Thị Thúy | 20/10/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 210 | Lê Sĩ Lý | 05/03/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 211 | Nguyễn Thị Thùy Dương | 07/01/1995 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 212 | Trần Thị Thanh Huyền | 19/05/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 213 | Nguyễn Thanh Phong | 28/05/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 214 | Võ Thị Kim Vinh | 12/04/1973 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 215 | Phan Thắng | 18/09/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 216 | Phan Công Thanh | 12/04/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 217 | Hồ Minh Đức | 08/03/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 218 | Nguyễn Thị Anh Thư | 07/09/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 219 | Phạm Văn Thịnh | 12/01/1974 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 220 | Lê Quang Vinh | 01/05/1975 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 221 | Phan Thanh Âu | 25/03/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 222 | Phù Thị Thùy Trang | 30/04/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 223 | Đặng Thanh Kiệt | 20/04/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 224 | Nguyễn Thái Huy | 10/03/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 225 | Lê Công Hoàng | 22/11/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 226 | Lê Huy Hoàng | 28/01/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 227 | Nguyễn Việt Ngọc Linh | 16/11/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 228 | Võ Thị Hồng Trâm | 24/06/1995 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 229 | Thái Đào Tuấn Khanh | 22/10/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 230 | Nguyễn Thị Phúc | 12/02/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 231 | Nguyễn Thị Thu Thảo | 06/04/1974 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 232 | Nguyễn Duy Tân | 10/06/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 233 | Thái Thị Ánh Thùy | 09/06/1972 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 234 | Trần Gia Minh Thư | 10/10/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 235 | Nguyễn Thị Tường Vi | 03/03/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 236 | Bùi Thị Ngọc Bé | 19/08/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 237 | Huỳnh Thị Mỹ Hương | 30/10/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 238 | Nguyễn Thị Minh Nhàn | 04/12/2000 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 239 | Bùi Tuyết Mai | 10/01/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 240 | Nguyễn Thị Minh Phượng | 18/04/1995 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 241 | Trần Anh Việt | 08/12/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 242 | Phùng Nam Hải | 24/03/1992 | Nam | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 243 | Nguyễn Hồ Yến Như | 27/03/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 244 | Nguyễn Phương Dung | 03/02/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 245 | Huỳnh Thị Hạnh Quế | 15/02/1976 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 246 | Phan Thị Kim Xuyên | 02/01/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 247 | Trần Thị Hồng Nhung | 20/11/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|--------------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| 248 | Nguyễn Đình Thắng | 08/05/1994 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 249 | Bùi Thị Mỹ Vân | 20/02/1987 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 250 | Vũ Quang Chính | 07/12/1986 | Nam | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 251 | Nguyễn Lê Ngọc Sơn | 23/03/1994 | Nam | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 252 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 10/07/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 253 | Nguyễn Thanh Giang | 16/01/1974 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 254 | Nguyễn Thành Sơn | 01/12/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 255 | Nguyễn Thạch Anh | 13/01/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 256 | Nguyễn Tiến Dũng | 25/02/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 257 | Trần Phương Nam | 04/12/1977 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 258 | Lê Thị Thùy Phương | 27/12/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 259 | Nguyễn Thị Thu Thủy | 02/10/1991 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 260 | Trần Hữu Ái | 20/03/1951 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 261 | Hoàng Ngọc Tân | 02/05/1969 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 262 | Nguyễn Minh Đức | 24/10/1972 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 263 | Lê Tấn Hải | 11/11/1973 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 264 | Trịnh Nam Thông | 12/12/1977 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 265 | Lê Thanh Lâm | 11/12/1977 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 266 | Nguyễn Hải Đăng | 13/11/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 267 | Phạm Đình Ân | 07/05/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 268 | Văn Thế Hiển | 22/04/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 269 | Phan Chí Hùng | 15/09/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 270 | Nguyễn Tấn Trung | 06/02/1982 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 271 | Trần Thanh Quân | 26/09/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 272 | Đỗ Nguyễn Hoàng Thái Sơn | 06/04/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 273 | Dương Bửu Khang | 20/07/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 274 | Nguyễn Thành Mến | 21/04/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 275 | Trần Cao Xuân Khương | 22/11/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 276 | Mai Lưu Huy | 09/09/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|--------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 277 | Nguyễn Anh Vinh | 12/12/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 278 | Nguyễn Anh Tuấn | 17/06/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 279 | Hoàng Minh Quân | 17/09/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 280 | Phạm Trịnh Hồng Phi | 19/01/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 281 | Lê Hoàng Minh | 14/11/1994 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 282 | Trần Quang Trung | 15/12/1997 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 283 | Nguyễn Thị Kim Phượng | 13/02/1967 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 284 | Lê Thùy Phương | 18/01/1975 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 285 | Âu Mẫn Hồng | 14/03/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 286 | Phan Thanh Huệ | 09/09/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 287 | Đỗ Ngọc Hân | 25/05/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 288 | Nguyễn Thị Thục Viên | 07/12/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 289 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 18/08/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 290 | Võ Thị Tú Phương | 19/01/1983 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 291 | Trịnh Đông Mai | 03/01/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 292 | Lê Thị Hồng Thu | 20/09/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 293 | Phạm Ngọc Anh | 26/05/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 294 | Nguyễn Quế Phương | 26/10/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 295 | Phùng Thị Tuyết Nhung | 01/08/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 296 | Nguyễn Thị Thu Thảo | 18/01/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 297 | Đỗ Thị Kim Yên | 25/12/1995 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 298 | Nguyễn Bảo Ngọc | 04/12/1995 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 299 | Lữ Trần Minh Anh | 20/09/1998 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 300 | Nguyễn Hồng Ánh Linh | 04/03/1998 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 301 | Võ Chí Tài | 13/12/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 302 | Nguyễn Hoài Nam | 27/09/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 303 | Trần Hữu Thân | 10/01/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 304 | Nguyễn Huỳnh Phương Thảo | 02/12/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 305 | Huỳnh Thị Ngọc Quý | 15/06/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 306 | Huỳnh Ngọc Sơn Tuyền | 19/08/1992 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 307 | Phạm Nguyễn Bạch Huệ | 11/01/1993 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 308 | Nguyễn Thị Hoàng Trúc | 05/08/1995 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 309 | Nguyễn Thanh Nhã | 01/04/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 310 | Mai Phước Hưởng | 10/02/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 311 | Nguyễn Thị Tuyết Trinh | 18/09/1977 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 312 | Phan Thị Chiêu Mỹ | 19/12/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 313 | Nguyễn Thị Xuân Liên | 20/02/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 314 | Phạm Thanh Quyên | 16/06/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 315 | Văn Nguyễn Loan Quỳnh | 14/09/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 316 | Lê Minh Biện | 20/08/1972 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 317 | Lê Quang Vinh | 15/11/1977 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 318 | Trịnh Hoàng Sơn | 03/04/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 319 | Phạm Minh Truyền | 07/03/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 320 | Huỳnh Ánh Nga | 18/01/1972 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 321 | Lê Thị Ngọc Huyền | 28/11/1978 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 322 | Ngô Tiểu Phụng | 15/06/1995 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 323 | Mai Thị Ngọc Ngân | 26/11/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 324 | Nguyễn Thụy Diễm Linh | 23/12/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 325 | Trần Huy Cường | 25/05/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 326 | Lưu Hoàng Giang | 04/01/1982 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 327 | Lý Duy Khang | 01/08/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 328 | Trịnh Minh Cường | 18/05/1992 | Nam | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 329 | Nguyễn Tấn Phúc | 08/09/1997 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 330 | Cao Thị Thanh Trúc | 13/11/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 331 | Trịnh Quốc Thịnh | 04/08/2002 | Nam | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 332 | Nguyễn Thị Kiều My | 11/01/2000 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 333 | Trần Thanh Kiệt | 13/01/1969 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 334 | Nguyễn Văn Thành | 20/12/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| 335 | Nguyễn Duy Phương | 22/03/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 336 | Dương Tấn Lực | 18/06/1988 | Nam | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 337 | Lê Trọng Nhân | 29/09/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 338 | Nguyễn Tấn Phúc | 01/10/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 339 | Trương Như Anh | 17/05/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 340 | Phạm Đức Hoài | 20/10/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 341 | Lâm Bích Dư | 02/09/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 342 | Phạm Minh Toàn | 27/07/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 343 | Nguyễn Ngọc Bạch | 01/01/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 344 | Dương Cơ Thất | 05/04/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 345 | Trương Thị Xuân Ngân | 07/11/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 346 | Trần Thị Hải Vi | 09/01/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 347 | Đinh Thị Kim Anh | 16/04/1995 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 348 | Phạm Lê Trung Kiên | 19/08/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 349 | Lê Sĩ Hải | 26/03/1978 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị nhân lực |
| 350 | Nguyễn Thị Huyền | 15/08/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị nhân lực |
| 351 | Trần Văn Thiện | 18/07/1952 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Quản trị nhân lực |
| 352 | Vũ Danh Thìn | 06/02/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị nhân lực |
| 353 | Phan Trần Tuyên | 05/06/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị nhân lực |
| 354 | Lê Thị Thùy Ngân | 18/10/1997 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị nhân lực |
| 355 | Nguyễn Thị Nguyệt Minh | 28/08/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị nhân lực |
| 356 | Lê Thị Hồng Đào | 29/05/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị nhân lực |
| 357 | Lê Diễm Thu | 29/05/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị nhân lực |
| 358 | Nguyễn Quang Luật | 12/09/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị nhân lực |
| 359 | Trần Quang Thái | 16/05/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị nhân lực |
| 360 | Nguyễn Thị Hồng Vân | 07/11/1975 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 361 | Nguyễn Thị Diễm Châu | 10/11/1943 | Nữ | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 362 | Nguyễn Đắc Hiệp | 09/08/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 363 | Nguyễn Thị Hằng | 17/11/1978 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 364 | Vũ Minh Đức | 06/10/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 365 | Nguyễn Thị Anh | 23/10/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 366 | Đoàn Thị Vân | 31/10/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 367 | Nguyễn Đức Hải | 05/11/1974 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 368 | Võ Văn Phong | 26/10/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 369 | Đào Chiêu | 19/09/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 370 | Phạm Thị Giang Thùy | 01/01/1978 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 371 | Lê Chi Lê | 30/11/1999 | Nữ | | Đại học | Tài chính - Ngân hàng |
| 372 | Trần Thị Thu Thương | 12/02/1985 | Nữ | | Đại học | Tài chính - Ngân hàng |
| 373 | Nguyễn Thị Sang | 03/10/1992 | Nữ | | Đại học | Tài chính - Ngân hàng |
| 374 | Nguyễn Thành Nhân | 25/05/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 375 | Lê Văn Đông | 08/07/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 376 | Lương Tiến Việt | 18/11/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 377 | Hà Thị Minh Trúc | 10/01/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 378 | Trương Thị Kim Thảo | 20/10/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 379 | Lương Hoàng Minh Dũng | 09/09/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 380 | Ngô Minh Hải | 01/05/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 381 | Nguyễn Tiến Cường | 18/09/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 382 | Nguyễn Vũ Thanh Huyền | 03/12/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 383 | Chu Mỹ Hạnh | 20/11/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 384 | Võ Thanh Hùng | 10/01/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 385 | Nguyễn Thị Nam Đăng | 16/02/1978 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 386 | Nguyễn Thành Long | 13/02/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 387 | Nguyễn Quốc Huy | 09/04/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 388 | Trần Tuấn Anh | 26/10/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 389 | Phan Thị Lan Phương | 20/10/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 390 | Nguyễn Thị Thu Thủy | 21/11/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 391 | Võ Tiến Lộc | 12/02/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 392 | Nguyễn Nhật Quang | 03/10/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 393 | Nguyễn Thị Lệ Hoa | 21/11/1963 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 394 | Huỳnh Thị Thu Trang | 06/09/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 395 | Trương Thị Thanh Nga | 05/04/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 396 | Trần Ngọc Bích Trâm | 12/09/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 397 | Phạm Hoàng Ân | 14/12/1981 | Nam | | Tiến sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 398 | Dương Đạo Đạt | 14/02/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 399 | Trịnh Ngọc Thanh | 11/10/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 400 | Nguyễn Thị Ngọc Hương | 25/07/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 401 | Trần Thị Tuyết Nga | 03/10/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 402 | Trần Lương Mộng Trinh | 22/12/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 403 | Võ Đức Thọ | 10/12/1972 | Nam | | Tiến sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 404 | Nguyễn Thanh Tuấn | 21/12/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 405 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | 02/12/1978 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 406 | Trương Huệ Nam | 05/01/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 407 | Trương Công Trứ | 30/10/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 408 | Trần Xuân Hồng | 05/07/1989 | Nữ | | Đại học | Tài chính - Ngân hàng |
| 409 | Bùi Thị Hồng Ngọc | 09/10/1988 | Nữ | | Đại học | Tài chính - Ngân hàng |
| 410 | Nguyễn Phương Tuấn | 16/01/2000 | Nam | | Đại học | Tài chính - Ngân hàng |
| 411 | Nguyễn Thị Băng Tâm | 14/01/1996 | Nữ | | Đại học | Tài chính - Ngân hàng |
| 412 | Bùi Quang Anh | 24/06/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 413 | Trần Thị Mỹ Thoa | 20/03/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 414 | Bùi Thị Nhật | 10/02/1974 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 415 | Nguyễn Thị Lương Duyên | 05/01/1974 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 416 | Đào Bá Hải | 11/04/1971 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 417 | Trần Anh Khoa | 31/10/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 418 | Phạm Thành Hưng | 06/08/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 419 | Phạm Đức Kỳ | 04/06/1961 | Nam | | Tiến sĩ | Thương mại điện tử |
| 420 | Trương Ngọc Ánh | 30/01/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 421 | Lê Thị Hương | 25/09/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 422 | Trần Song Khoa | 12/04/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 423 | Đoàn Thanh An | 21/05/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 424 | Lê Phước Hậu | 26/06/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 425 | Võ Quang Công | 13/01/1994 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 426 | Đỗ Ngọc Cẩm Tiên | 10/09/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 427 | Võ Thành Công | 13/07/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 428 | Nguyễn Thị Kim Hiền | 01/01/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 429 | Hà Thị Thanh Sương | 01/02/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 430 | Nguyễn Thiên Trang | 28/01/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 431 | Nguyễn Thái Dung | 06/10/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 432 | Huỳnh Danh Dự | 01/02/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 433 | Trần Kiên Hạ | 18/12/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 434 | Lê Thị Quỳnh Như | 15/06/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 435 | Trần Thị Bảo Châu | 02/12/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 436 | Phạm Quốc Hưng | 08/11/1961 | Nam | | Tiến sĩ | Thương mại điện tử |
| 437 | Trần Anh Dũng | 18/12/1973 | Nam | | Tiến sĩ | Thương mại điện tử |
| 438 | Đỗ Quốc Trung | 28/03/1975 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 439 | Võ Trần Thanh Trúc | 17/08/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 440 | Hồng Tập Lộc | 28/11/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 441 | Lê Thị Nam Phương | 12/02/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 442 | Lê Thùy Giang | 22/10/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 443 | Đinh Thị Bích Hà | 01/12/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 444 | Huỳnh Minh Phụng | 13/03/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 445 | Đặng Hữu Lý | 08/07/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 446 | Bùi Thanh Bình | 01/01/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 447 | Phạm Thị Diễm | 22/12/1975 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 448 | Huỳnh Thị Thanh Hiền | 26/09/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 449 | Dương Tấn Diệp | 13/04/1963 | Nam | | Tiến sĩ | Thương mại điện tử |
| 450 | Châu Văn Nhẹ | 05/06/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|----------------------|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 451 | Vũ Thùy Dung | 03/11/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 452 | Phạm Thị Mỹ Châu | 17/11/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| 453 | Nguyễn Hồng Kỳ | 10/06/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Thương mại điện tử |
| Khối ngành IV | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Tấn Chung | 08/03/1973 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ sinh học |
| 2 | Nguyễn Thị Thúy Anh | 15/01/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ sinh học |
| 3 | Đoàn Thị Tám | 10/04/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ sinh học |
| 4 | Huỳnh Đặng Hà Uyên | 08/07/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ sinh học |
| 5 | Trần Thị Thu Ngân | 19/05/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ sinh học |
| 6 | Võ Minh Phát | 24/08/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ sinh học |
| 7 | Trịnh Trường Giang | 10/07/1953 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ sinh học |
| 8 | Triệu Thanh Tuấn | 15/11/1982 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ sinh học |
| 9 | Dương Huỳnh Ngọc Trân | 09/07/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ sinh học |
| Khối ngành V | | | | | | |
| 1 | Lê Mạnh | 30/10/1949 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin |
| 2 | Nguyễn Văn Đức | 21/09/1997 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 3 | Đỗ Huy Hoàng | 18/12/1969 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin |
| 4 | Trần Mạnh Linh | 03/04/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 5 | Bùi Hữu Phú | 31/05/1974 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin |
| 6 | Nguyễn Đức Thụy | 04/04/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 7 | Đinh Thị Phương | 15/05/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 8 | Phạm Ngọc Vinh | 05/10/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 9 | Cao Văn Huân | 06/03/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 10 | Tạ Thị Tình | 10/09/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 11 | Phạm Hoài Sơn | 26/02/1970 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 12 | Đậu Xuân Thảo | 01/01/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 13 | Nguyễn Gia Khoa | 24/02/1977 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 14 | Nguyễn Thị Hoài Oanh | 18/02/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 15 | Nguyễn Thị Hưng Thanh | 02/04/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 16 | Trần Thị Ngọc Dung | 30/04/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 17 | Đặng Văn Lực | 14/12/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 18 | Hồ Văn Ngọc | 24/04/1966 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 19 | Nguyễn Sử Việt | 19/11/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 20 | Lê Thị Phúc Khoa | 15/02/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 21 | Tạ Chí Qui Nhơn | 13/03/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 22 | Trịnh Quốc Hùng | 24/04/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 23 | Trần Quốc Toàn | 27/01/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 24 | Phạm Mạnh Cường | 08/06/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 25 | Võ Lê Tấn Quốc | 23/08/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 26 | Võ Thùy Nga | 23/08/1986 | Nữ | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 27 | Phan Hoàng Thảo | 22/07/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 28 | Nguyễn Tấn Đức | 29/12/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 29 | Kiều Công Minh | 30/01/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 30 | Trần Ngọc Linh | 27/01/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 31 | Nguyễn Hoàng Tấn | 27/09/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 32 | Vương Duy Thanh | 18/07/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 33 | Nguyễn Thanh Liêm | 30/10/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 34 | Võ Khánh Triều | 17/03/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 35 | Đàm Thanh Giang | 07/02/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 36 | Hoàng Vân | 21/08/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 37 | Ngô Ngọc Thủy | 22/02/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 38 | Nguyễn Lê Công | 03/04/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 39 | Trần Kiên Dũng | 08/10/1999 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 40 | Nguyễn Xuân Thanh | 16/12/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 41 | Lê Ngọc Hiếu | 16/12/1984 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin |
| 42 | Phạm Văn An | 05/06/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 43 | Trần Thị Thùy Liên | 08/11/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 44 | Nguyễn Thị Kiều Loan | 09/02/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|---------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 45 | Nguyễn Anh Tuấn | 16/10/1953 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 46 | Trần Văn Ngân | 28/10/1968 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 47 | Dương Trọng Khang | 29/05/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 48 | Đặng Ngọc Thơm | 05/08/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 49 | Trần Thanh Tú | 07/08/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 50 | Nguyễn Khôi | 09/09/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 51 | Đỗ Minh Trung | 13/09/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 52 | Nguyễn Tấn Đạt | 16/02/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 53 | Nguyễn Thiện Nhơn | 16/01/1990 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 54 | Nguyễn Minh Quân | 22/01/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 55 | Nguyễn Khánh Duy | 04/12/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 56 | Nguyễn Bảo Khánh | 24/09/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 57 | Nguyễn Thị Thanh Hà | 16/06/1974 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 58 | Lư Huệ Thu | 26/10/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 59 | Nguyễn Thị Ngọc Mai | 12/08/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 60 | Trần Minh Quân | 01/11/1959 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 61 | Tô Hồ Hải | 10/04/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 62 | Nguyễn Xuân Nghệ | 13/03/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 63 | Bùi Chí Cường | 04/08/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 64 | Trần Công Lý | 31/05/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 65 | Phạm Thành Đạt | 22/02/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 66 | Phạm Văn Tâm | 01/01/1972 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 67 | Phạm Quang Đông | 29/06/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 68 | Trần Thanh Tâm | 21/02/1992 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 69 | Châu Uyên Sa | 24/01/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 70 | Nguyễn Đặng Hiếu | 18/02/1994 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 71 | Nguyễn Thị Hằng | 09/09/1976 | Nữ | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 72 | Nguyễn Lê Trúc Mai | 09/09/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 73 | Bùi Tuấn Cường | 19/07/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-------------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| 74 | Tổng Mỹ Thanh | 01/11/1967 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 75 | Nguyễn Anh Tông | 03/05/1981 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 76 | Đàm Thanh Long | 18/11/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 77 | Lê Hồng Danh | 01/04/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 78 | Lê Thị Thu Ba | 27/06/1972 | Nữ | | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin |
| 79 | Đỗ Lê Hoàng Sang | 09/10/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 80 | Đoàn Đức Quý | 07/09/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 81 | Trần Huỳnh Tiến | 20/08/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 82 | Trần Văn Nghiệp | 15/05/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 83 | Trần Minh Đăng | 11/09/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 84 | Phạm Dược | 18/02/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 85 | Nguyễn Thanh Phong | 03/10/1983 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 86 | Trần Thị Thúy | 17/07/1974 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 87 | Bùi Văn Miên | 12/06/1955 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 88 | Trần Thanh Luân | 21/01/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 89 | Nguyễn Chí Dũng | 15/07/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 90 | Nguyễn Thúc Bội Huyền | 21/09/1960 | Nữ | | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 91 | Trần Phước Nhật Uyên | 17/02/1987 | Nữ | | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 92 | Huỳnh Văn Kiệt | 13/09/1977 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 93 | Đinh Thị Thủy | 20/06/1968 | Nữ | | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 94 | Nguyễn Thị Trà My | 21/07/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 95 | Phạm Vũ Việt Dũng | 18/07/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 96 | Huỳnh Thành Đạt | 20/09/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 97 | Ngô Huỳnh Phương Thảo | 01/08/1982 | Nữ | | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 98 | Trương Thị Thùy Liên | 09/11/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 99 | Nguyễn Thị Phương Trang | 14/08/1996 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 100 | Huỳnh Thị Cẩm Hằng | 20/06/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 101 | Phạm Thị Hồng Loan | 06/08/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 102 | Đỗ Thanh Trà | 29/08/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-------------|------------------|-------------------------------|
| 103 | Hoàng Xuân Bách | 17/06/1978 | Nam | | Tiến sĩ | Khoa học máy tính |
| 104 | Nguyễn Thị Diệu Anh | 03/12/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Khoa học máy tính |
| 105 | Nguyễn Quang Tấn | 23/03/1955 | Nam | | Tiến sĩ | Khoa học máy tính |
| 106 | Nguyễn Minh Thi | 02/01/1975 | Nam | | Thạc sĩ | Khoa học máy tính |
| 107 | Đỗ Đình Trang | 01/07/1971 | Nam | | Thạc sĩ | Khoa học máy tính |
| 108 | Nguyễn Bạch Thanh Tùng | 19/02/1974 | Nam | | Thạc sĩ | Khoa học máy tính |
| 109 | Lương Thái Hiền | 05/10/1975 | Nam | | Thạc sĩ | Khoa học máy tính |
| 110 | Trần Ngọc Tuấn | 10/09/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Khoa học máy tính |
| 111 | Huỳnh Thị Châu Ái | 05/09/1978 | Nữ | | Thạc sĩ | Khoa học máy tính |
| 112 | Quách Anh Dũng | 20/04/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Khoa học máy tính |
| 113 | Huỳnh Quốc Tuấn | 13/11/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Khoa học máy tính |
| 114 | Lê Trương Trọng Duy | 22/10/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Khoa học máy tính |
| 115 | Nguyễn Hữu Hương Xuân | 18/12/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Khoa học máy tính |
| 116 | Lê Thanh Phong | 26/05/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Khoa học máy tính |
| 117 | Dương Quang Triết | 06/02/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Khoa học máy tính |
| 118 | Phan Nguyễn Cường | 29/10/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Khoa học máy tính |
| 119 | Nguyễn Mộng Hùng | 06/06/1940 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 120 | Phạm Thị Tuyết Lan | 02/03/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 121 | Nguyễn Hoàng Quân | 06/05/1989 | Nam | | Đại học | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 122 | Đặng Văn Tuyền | 17/07/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 123 | Nguyễn Khắc Hoàng | 31/10/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 124 | Hồ Lê Anh Hoàng | 01/05/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 125 | Đoàn Minh Quân | 16/01/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 126 | Tô Vũ Thanh Điền | 07/11/1978 | Nam | | Tiến sĩ | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 127 | Đàm Quốc Việt | 26/11/1995 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 128 | Nguyễn Trọng Khiêm | 12/12/2000 | Nam | | Đại học | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 129 | Đinh Thị Khả Hân | 01/08/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 130 | Trần Ngọc Ngà | 03/06/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 131 | Phạm Thị Thanh Hòa | 16/10/1977 | Nữ | | Tiến sĩ | Kỹ thuật môi trường |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|----------------------------|------------|-----------|-------------|------------------|-------------------------------------|
| 132 | Nguyễn Thị Mai Linh | 26/02/1974 | Nữ | | Tiến sĩ | Kỹ thuật môi trường |
| 133 | Nguyễn Phúc Thiện | 04/05/1986 | Nam | | Tiến sĩ | Kỹ thuật môi trường |
| 134 | Phan Văn Hiệp | 11/07/1977 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 135 | Lâm Sanh | 24/12/1997 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 136 | Ngô Thị Thu Hiền | 17/12/1998 | Nữ | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 137 | Nguyễn Tường Hồ Trung Dung | 01/06/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 138 | Lê Vĩnh Hải | 03/05/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 139 | Nguyễn Thị Minh Đoàn | 15/10/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 140 | Nguyễn Thị Diễm Phương | 20/04/1987 | Nữ | | Tiến sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 141 | Trần Tuấn Anh | 04/05/1978 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 142 | Nguyễn Thái Châu | 27/01/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 143 | Lâm Đức Cường | 21/02/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 144 | Nguyễn Thị Nguyệt Dung | 13/08/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 145 | Vũ Thị Chúc Quỳnh | 12/12/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 146 | Đinh Thị Liên | 29/12/1975 | Nữ | | Tiến sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 147 | Đào Việt Hùng | 14/02/1974 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 148 | Trần Văn Hậu | 26/09/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 149 | Phạm Quốc Tuấn | 17/11/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 150 | Đỗ Thị Bích Thủy | 23/03/1974 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 151 | Đoàn Trọng Đán | 15/06/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 152 | Nguyễn Thành Trung | 10/10/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | cung ứng |
| 153 | Lê Văn Sơn | 10/05/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 154 | Trương Thị Hà | 13/04/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 155 | Vũ Khánh Linh | 11/09/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 156 | Nguyễn Văn Quý | 04/05/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 157 | Lê Đình Chinh | 26/02/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 158 | Trần Quang Hải | 08/08/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 159 | Ngô Vĩnh Din | 06/04/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 160 | Nguyễn Thị Như Quỳnh | 14/11/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 161 | Phạm Văn Thi | 22/05/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 162 | Phạm Thị Thu Hằng | 20/11/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 163 | Lý Mười | 02/02/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 164 | Trịnh Thị Trâm Anh | 08/02/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 165 | Nguyễn Văn Huynh | 26/08/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 166 | Trương Thanh Huyền | 25/03/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|-------------------------------------|
| 167 | Trần Thị Thúy An | 28/06/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 168 | Nguyễn Thành Long | 09/03/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 169 | Bùi Văn Công | 13/11/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 170 | Võ Khánh Uyên | 07/10/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 171 | Phạm Gia Hân | 05/10/1996 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 172 | Phan Thanh Phong | 06/01/1994 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 173 | Vũ Thị Thanh Hương | 15/11/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 174 | Nguyễn Minh Tuấn | 03/01/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 175 | Trần Mạnh Trí | 16/12/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 176 | Hồ Quốc Bảo | 24/10/1975 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 177 | Trịnh Quang Tiến Phước | 30/10/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 178 | Nguyễn Bạch Vỹ | 07/09/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 179 | Nguyễn Mạnh Hoàng | 28/11/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 180 | Phan Thanh Nga | 10/01/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 181 | Chu Thị Như Quỳnh | 25/09/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | cung ứng |
| 182 | Nguyễn Thụy Linh Điệp | 29/07/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 183 | Đỗ Trần Phương Uyên | 06/10/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 184 | Phạm Hữu Hoàng | 05/08/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 185 | Trần Lê Trung Huy | 01/01/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 186 | Nguyễn Văn Cương | 18/10/1960 | Nam | | Tiến sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 187 | Ngô Tấn Hiệp | 12/03/1970 | Nam | | Tiến sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 188 | Lê Thanh Hải | 05/04/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 189 | Võ Hồng Phúc | 18/03/1977 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 190 | Nguyễn Hoàng Minh | 15/09/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 191 | Nguyễn Cao Trí | 28/10/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 192 | Lê Tuấn Trường | 21/07/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 193 | Văn Thế Huy | 19/11/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 194 | Trần Huỳnh Thông | 12/10/1996 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 195 | Nguyễn Bửu An Khánh | 04/05/1971 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|-------------------------------------|
| 196 | Tô Thị Kim Hồng | 08/01/1977 | Nữ | | Tiến sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 197 | Lê Thị Cẩm Anh | 07/09/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 198 | Huỳnh Thị Minh Châu | 13/04/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 199 | Vũ Cao Vân Anh | 08/10/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 200 | Trương Thị Thanh Hoa | 11/01/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 201 | Nguyễn Thị Như Nguyệt | 18/11/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 202 | Lưu Thùy Trang | 09/05/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 203 | Võ Phương Anh | 13/12/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 204 | Phạm Châu Anh Chi | 23/05/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 205 | Võ Thị Thùy Linh | 18/04/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 206 | Phó Uyên San | 16/10/1997 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 207 | Trần Văn Thắm | 10/02/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 208 | Huỳnh Thanh | 11/11/1978 | Nữ | | Đại học | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 209 | Trần Thị Phương Thảo | 13/05/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 210 | Nguyễn Thanh Vũ | 20/03/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|---------------------|------------|-----------|-----------|------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | cung ứng |
| 211 | Ngô Thu Hồng | 04/02/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 212 | Trương Ngọc Tiến | 04/09/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 213 | Lương Hoàng Minh | 18/02/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 214 | Lê Thị Lý | 01/01/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 215 | Trịnh Quốc Cường | 15/10/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 216 | Nguyễn Hữu Thành | 06/12/1959 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 217 | Đoàn Thị Thanh Thảo | 01/01/1971 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 218 | Lê Thanh Hải | 26/11/1989 | Nam | | Tiến sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 219 | Nguyễn Mạnh Hùng | 23/09/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 220 | Nguyễn Thị Kim Mị | 21/03/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 221 | Lưu Thị Lan Phương | 12/10/1996 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 222 | Trần Thanh Nam | 22/07/2001 | Nam | | Đại học | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 223 | Ngô Văn Thế | 22/08/1976 | Nam | | Đại học | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 224 | Lê Anh Phấn | 01/10/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|----------------------|----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|-------------------------------------|
| 225 | Dương Mỹ Kiều | 18/12/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 226 | Nguyễn Thị Thu | 03/08/1994 | Nữ | | Đại học | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 227 | Trần Nhật Trường | 01/04/1989 | Nam | | Đại học | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 228 | Đặng Thành Luân | 15/12/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 229 | Đỗ Thị Luyên | 08/12/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 230 | Nguyễn Thị Thúy Kiều | 20/03/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 231 | Bùi Lâm Trường | 26/09/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 232 | Huỳnh Trọng Hiến | 14/05/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 233 | Vũ Minh Hải | 08/12/1977 | Nam | | Thạc sĩ | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| Khối ngành VI | | | | | | |
| 1 | Lê Thị Kim Chi | 16/12/1962 | Nữ | | Tiến sĩ | Điều dưỡng |
| 2 | Lê Văn Hẹn | 05/12/1969 | Nam | | Tiến sĩ | Điều dưỡng |
| 3 | Lê Vinh | 31/07/1955 | Nam | | Tiến sĩ | Điều dưỡng |
| 4 | Nguyễn Ngọc Hân | 16/03/1978 | Nữ | | Tiến sĩ | Điều dưỡng |
| 5 | Nguyễn Phi Hùng | 13/12/1976 | Nam | | Tiến sĩ | Điều dưỡng |
| 6 | Nguyễn Thanh Hiền | 13/01/1977 | Nam | | Tiến sĩ | Điều dưỡng |
| 7 | Nguyễn Thị Thanh Thơ | 16/03/1976 | Nữ | | Tiến sĩ | Điều dưỡng |
| 8 | Phạm Hồng Thẩm | 14/07/1983 | Nữ | | Tiến sĩ | Điều dưỡng |
| 9 | Phan Quốc Thành | 27/01/1965 | Nam | | Tiến sĩ | Điều dưỡng |
| 10 | Võ Văn Hải | 24/04/1982 | Nam | | Tiến sĩ | Điều dưỡng |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----------------------|----------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| Khối ngành VII | | | | | | |
| 1 | Kim Dong Seok | 25/10/1960 | Nam | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 2 | Jung Hye Gyung | 10/12/1965 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 3 | Baek Myeongjin | 13/07/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 4 | Phạm Thu Hương | 26/02/1964 | Nữ | | Tiến sĩ | Đông phương học |
| 5 | Nguyễn Hồng Nhung | 11/06/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 6 | Nguyễn Thu Anh | 10/06/1998 | Nam | | Đại học | Đông phương học |
| 7 | Nguyễn Thị Thu Thủy | 06/07/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 8 | Hoàng Phương Dung | 03/05/1969 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 9 | Phan Thị Hạnh | 19/06/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 10 | Trần Văn Ánh | 16/10/1951 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Đông phương học |
| 11 | Vũ Minh Hoàng | 02/09/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 12 | Đỗ Thị Thu Hiền | 25/06/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 13 | Nguyễn Phương Lâm | 20/10/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 14 | Phan Thị Thu Thảo | 22/12/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 15 | Quách Đức Tài | 25/11/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 16 | Cao Thúy Oanh | 04/11/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 17 | Đỗ Trần Tấn Lộc | 20/10/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 18 | Đặng Thị Diệu Linh | 31/10/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 19 | Trương Thanh Tùng | 02/11/1975 | Nam | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 20 | Nguyễn Phúc An Khang | 20/03/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 21 | Trần Thuận | 24/03/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 22 | Nguyễn Minh Trí | 25/11/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 23 | Lưu Nhuệ Bang | 24/09/1996 | Nam | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 24 | Đào Thúy Vinh | 06/11/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 25 | Chênh Cao Ngọc Linh | 16/12/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 26 | Lê Thị Ngọc Thúy | 21/07/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 27 | Cao Thị Phương Thảo | 12/05/1983 | Nữ | | Đại học | Đông phương học |
| 28 | Huỳnh Thị Bình Minh | 25/03/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|----------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| 29 | Lê Đăng Tường Vy | 15/09/1996 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 30 | Đặng Thanh Vũ | 01/05/1966 | Nam | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 31 | Nguyễn Lê Khuynh | 03/05/1995 | Nam | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 32 | Phan Thanh Nhã Trúc | 21/06/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 33 | Lê Nguyễn Vy Băng | 05/05/1996 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 34 | Lê Dương Khắc Minh | 08/07/1985 | Nam | | Tiến sĩ | Đông phương học |
| 35 | Phạm Thu Phượng | 06/03/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 36 | Nguyễn Thị Ngọc Hằng | 28/06/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 37 | Nguyễn Hồng Diễm | 01/11/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 38 | Lý Phạm Tâm Đăng | 17/05/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Đông phương học |
| 39 | Thân Hồng Hà | 11/06/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 40 | Lê Hồ Quốc Khánh | 02/09/1961 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 41 | Trần Anh Minh | 17/10/1973 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 42 | Phạm Xuân Hậu | 02/07/1950 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Du lịch |
| 43 | Nguyễn Duy San | 21/10/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 44 | Ngô Xuân Hào | 08/09/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 45 | Hồ Đức Phú | 03/10/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 46 | Nguyễn Văn Mãnh | 16/08/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 47 | Hồ Thị Diệu Hương | 15/10/2001 | Nữ | | Đại học | Du lịch |
| 48 | Trần đông An | 16/10/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 49 | Lê Hồng Vương | 05/10/1985 | Nam | | Tiến sĩ | Du lịch |
| 50 | Nguyễn Văn Đạo | 14/05/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 51 | Nguyễn Tấn Trung | 10/09/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 52 | Đặng Ngọc Hoàng | 12/05/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 53 | Lý Liệt Thanh | 06/09/1971 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 54 | Lương Quốc Thành | 17/07/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 55 | Lưu Bá Côn | 27/09/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 56 | Mai Hữu Khôi | 10/10/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 57 | Huỳnh Nam Hương | 11/05/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Du lịch |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 58 | Trịnh Thị Ngọc Cẩm | 02/11/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 59 | Nguyễn Lưu Diễm Phúc | 12/04/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 60 | Phạm Minh Khánh | 12/04/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 61 | Nguyễn Trung Nam | 01/09/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 62 | Phạm Hùng Thịnh | 29/10/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 63 | Nguyễn Thị Thu Đoan | 01/12/2000 | Nữ | | Thạc sĩ | Du lịch |
| 64 | Nguyễn Tấn Quang | 22/02/1967 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 65 | Đặng Đức Long | 19/02/1962 | Nam | | Tiến sĩ | Kinh tế |
| 66 | Nguyễn Quang Giáp | 25/07/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 67 | Lê Văn Thắng | 15/09/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 68 | Nguyễn Thị Thúy Mai | 20/10/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 69 | Từ Đức Hoàng | 10/08/1977 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 70 | Trịnh Thị Sông Lam | 10/03/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 71 | Nguyễn Thị Thanh Vân | 02/12/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 72 | Phạm Thị Ánh Tuyết | 18/07/1964 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 73 | Hồ Thị Kim Phượng | 18/11/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 74 | Hồ Cao Việt | 01/01/1967 | Nam | | Tiến sĩ | Kinh tế |
| 75 | Phan Tấn Dầu | 01/11/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 76 | Đặng Thế Nam | 19/01/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 77 | Trương Thị Chí | 27/11/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 78 | Phan Thị Hoài Sa | 15/07/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 79 | Nguyễn Thị Đông Phương | 24/08/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 80 | Nguyễn Toàn | 09/02/1982 | Nam | | Đại học | Kinh tế |
| 81 | Nguyễn Quang Tú | 15/08/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 82 | Vũ Thị Thanh Hiền | 10/03/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 83 | Nguyễn Thị Phúc Ngân | 16/02/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 84 | Nguyễn Phú Thịnh | 02/05/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 85 | Phan Hiền Minh | 30/07/1950 | Nam | | Tiến sĩ | Kinh tế |
| 86 | Cao Minh Nghĩa | 07/04/1966 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 87 | Nguyễn Minh Hùng | 24/04/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 88 | Nguyễn Tuấn Kiệt | 03/12/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 89 | Nguyễn Sinh Minh Trung | 28/10/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 90 | Đinh Nguyệt Bích | 26/09/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 91 | Nguyễn Minh Xuân Hương | 19/11/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 92 | Lê Bá Quỳnh Phương | 18/07/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 93 | Võ Ngọc Vương | 25/11/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 94 | Nguyễn Tuấn Việt | 19/04/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 95 | Nguyễn Duy Dương | 10/04/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 96 | Đoàn Trường An | 20/04/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 97 | Nguyễn Hoàng Hưng | 25/06/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 98 | Trần Thị Thanh Tuyền | 13/05/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 99 | Hồ Thị Phần | 20/10/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 100 | Lý Ngọc Phương | 29/10/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 101 | Nguyễn Thị Thảo Nguyên | 05/05/1988 | Nữ | | Đại học | Kinh tế |
| 102 | Hồ Thị Thanh Sang | 05/06/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 103 | Lê Hoàng Khởi | 26/08/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 104 | Mai Thị Hồng Đào | 09/04/1972 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 105 | Nguyễn Hoàng Sơn | 08/02/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 106 | Nguyễn Thúy Ngọc | 10/06/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 107 | Võ Thành Trọng | 26/12/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 108 | Đào Thông Minh | 31/12/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Kinh tế |
| 109 | Timothy James Rossiter | 10/02/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 110 | Nguyễn Quốc Hợp | 13/09/1959 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 111 | Lê Thị Kiều Vân | 06/03/1962 | Nữ | | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 112 | Nguyễn Thị Tấn | 14/01/1976 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 113 | Đỗ Văn Bình | 18/04/1953 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 114 | Nguyễn Thị Thanh Hà | 09/07/1965 | Nữ | | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 115 | Lê Thị Hằng | 03/02/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 116 | Huỳnh Hữu Hiền | 01/01/1966 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 117 | Nguyễn Thị Mơ | 10/03/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 118 | Phan Thị Kim Yến | 31/05/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 119 | Lê Thị Thanh Tâm | 24/06/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 120 | Nguyễn Thị Minh Hiếu | 20/09/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 121 | Nguyễn Thị Minh Trâm | 23/08/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 122 | Nguyễn Thị Thanh Sang | 06/05/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 123 | Lê Nguyễn Thanh Trúc | 23/08/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 124 | Nguyễn Thị Thu Hương | 26/04/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 125 | Lê Hữu Nhật Duy | 03/02/2000 | Nam | | Đại học | Ngôn ngữ Anh |
| 126 | Đông Thị Khánh Duyên | 20/11/1971 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 127 | Nguyễn Châu Long | 10/11/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 128 | Nguyễn Lâm Thanh Trúc | 07/12/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 129 | Lê Thị Ngọc Hạnh | 04/04/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 130 | Trần Thị Hảo | 03/07/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 131 | Đình Hòa Thuận | 20/01/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 132 | Trần Thị Bửu Lộc | 23/01/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 133 | Nim Ngọc Yến | 11/09/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 134 | Đỗ Quyết Chiến | 03/06/1955 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 135 | Trần Tân Phát | 05/10/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 136 | Nguyễn Nguyên Khoa | 12/06/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 137 | Nguyễn Thanh Hải | 31/07/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 138 | Phan Bích Lê | 23/07/1963 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 139 | Lê Thùy Trang | 27/10/1977 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 140 | Hà Thị Kim Hoàng | 22/01/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 141 | Huỳnh Thị Kim Dung | 10/01/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 142 | Đình Thị Triều Giang | 03/06/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 143 | Nguyễn Phương Loan | 31/10/1989 | Nữ | | Đại học | Ngôn ngữ Anh |
| 144 | Lưu Nguyễn Hà Vy | 18/07/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 145 | Nguyễn Thị Lê Ánh | 09/11/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 146 | Thái Nguyễn Tố Loan | 14/09/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 147 | Võ Thị Phương Thảo | 16/12/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 148 | Đoàn Khánh Phương | 29/11/1995 | Nữ | | Đại học | Ngôn ngữ Anh |
| 149 | Đào Quỳnh Dao | 12/03/1996 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 150 | Trần Lưu Niệm | 10/01/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 151 | Nguyễn Thanh Duy | 26/03/1994 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 152 | Đặng Thị Mỹ Phượng | 14/11/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 153 | Nguyễn Thị Bích Tuyền | 29/12/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 154 | Ngô Nguyễn Mai Thảo | 05/08/1995 | Nữ | | Đại học | Ngôn ngữ Anh |
| 155 | Võ Huỳnh Đông Vũ | 26/03/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 156 | Trần Nguyễn Liên Minh | 28/12/1977 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 157 | Châu Thị Khánh Linh | 30/05/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 158 | Phạm Na Sil | 21/12/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 159 | Trương Thị Loan Thảo | 15/09/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 160 | Thạch Thị Quách Thi | 31/03/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 161 | Ngô Huệ Nghi | 24/01/1995 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 162 | Nguyễn Trường Giang | 06/11/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 163 | Nguyễn Thị Kim Huyền | 29/12/1999 | Nữ | | Đại học | Ngôn ngữ Anh |
| 164 | La Thị Hồng Loan | 21/08/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 165 | Nguyễn Thị Diệu Ngô | 17/10/1970 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 166 | Nguyễn Vũ Anh Duy | 15/06/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 167 | Lê Thị Mỹ Linh | 07/09/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 168 | Jarvis Hugh Eugene | 04/06/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 169 | Phạm Minh Dạ Yến | 26/02/1995 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh |
| 170 | Hirano Ayaka | 05/12/1991 | Nữ | | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 171 | Nguyễn Duy Long | 08/03/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 172 | Dương Đức Hưng | 23/09/1952 | Nam | | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 173 | Trịnh Văn Vinh | 03/01/1982 | Nam | | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Nhật |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 174 | Lê Việt Anh | 03/09/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 175 | Đặng Thị Thanh Huyền | 22/07/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 176 | Ngô Thị Hương Giang | 13/02/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 177 | Nguyễn Công Nguyên | 01/01/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 178 | Trần Minh Hậu | 09/09/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 179 | Trương Duy | 21/05/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 180 | Hồ Thị Minh Hiền | 10/07/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 181 | Nguyễn Khoa | 03/01/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 182 | Bùi Thị Thúy | 02/06/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 183 | Phạm Thị Diễm Chi | 24/01/1978 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 184 | Trần Thị Thanh Hằng | 16/12/1998 | Nữ | | Đại học | Ngôn ngữ Nhật |
| 185 | Trịnh Kim Phượng | 27/07/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 186 | Trần Văn Thắng | 02/12/1980 | Nam | | Đại học | Ngôn ngữ Nhật |
| 187 | Mai Nguyễn Thiên Hương | 26/12/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 188 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | 13/06/1999 | Nữ | | Đại học | Ngôn ngữ Nhật |
| 189 | Trần Hoàng Phú | 15/05/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 190 | Nguyễn Hà Minh Thanh | 08/03/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 191 | Nguyễn Trúc Linh | 06/01/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 192 | Mai Thanh Tuyền | 28/08/1996 | Nữ | | Đại học | Ngôn ngữ Nhật |
| 193 | Võ Minh Khang | 02/10/1976 | Nam | | Đại học | Ngôn ngữ Nhật |
| 194 | Trần Hoàng Vĩnh | 20/08/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 195 | Nguyễn Thị Thùy Dung | 18/12/1978 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 196 | Huỳnh Văn Giàu | 26/03/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 197 | Huỳnh Võ Hữu Tâm | 17/01/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 198 | Nguyễn Thảo Hạ Vy | 27/10/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 199 | Lê Minh Phương Thủy | 08/03/1967 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 200 | Vũ Thị Phương Trang | 06/12/1974 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 201 | Phan Thị Kim Hiên | 02/02/1996 | Nữ | | Đại học | Ngôn ngữ Nhật |
| 202 | Nguyễn Thị Xuân Anh | 10/03/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 203 | Dương Thanh Nhất | 14/04/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 204 | Vũ Thị Thanh Hoa | 28/09/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 205 | Nguyễn Xuân Lãm | 01/03/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 206 | Huỳnh Hiệp Mậu | 28/01/1995 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 207 | Trần Thị Linh | 26/06/1989 | Nữ | | Đại học | Ngôn ngữ Nhật |
| 208 | Cao Xuân Thiều | 20/09/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Nhật |
| 209 | Nguyễn Trần Vĩnh Linh | 01/05/1970 | Nam | | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Pháp |
| 210 | Nguyễn Minh Thắng | 20/07/1959 | Nam | | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Pháp |
| 211 | Trần Thiên Phước | 13/02/1995 | Nam | | Đại học | Ngôn ngữ Pháp |
| 212 | Nguyễn Đình Vượng | 26/01/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 213 | Đỗ Tiến Dũng | 06/03/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 214 | Phạm Thị Thúy Nga | 22/07/1967 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 215 | Bồ Thị Thúy Liên | 13/03/1965 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 216 | Nguyễn Võ Thị Bích Hân | 20/04/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 217 | Hoàng Văn Cường | 10/03/1974 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 218 | Nguyễn Thị Bích Chiên | 04/09/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 219 | Phạm Thị Ánh | 01/07/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 220 | Phạm Sỹ Nguyên | 06/08/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 221 | Lê Thị Minh Nguyệt | 05/09/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 222 | Lê Thành Vinh | 10/08/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 223 | Lê Xuân Kỳ | 20/11/1958 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 224 | Đặng Bảo Cường | 17/02/1977 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 225 | Nguyễn Lê Phương Trinh | 28/07/1996 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 226 | Phạm Thị Bích Thủy | 25/06/1981 | Nữ | | Đại học | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 227 | Phan Thành Nhật | 20/10/1970 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 228 | Vương Lê Sơn | 18/06/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 229 | Trần Thị Lệ Nhật | 01/10/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 230 | Nguyễn Văn An | 11/10/1975 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 231 | Đỗ Nguyên Bình | 09/10/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 232 | Nguyễn Thị Minh Tuyền | 27/08/1995 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 233 | Đỗ Minh Tuấn | 13/12/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 234 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 03/12/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 235 | Nguyễn Bá Phương | 16/10/1974 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 236 | Nguyễn Ánh Trường Sơn | 26/05/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 237 | Nguyễn Đức Đình Huấn | 15/01/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 238 | Đào Ngọc Thọ | 11/01/1975 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 239 | Lai Khai Vinh | 19/12/1982 | Nam | | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 240 | Lê Thanh Thu | 19/10/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 241 | Nguyễn Đăng Khoa | 25/06/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 242 | Phạm Chí Hiếu | 08/06/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 243 | Hồ Ngọc Hưng | 21/09/1991 | Nam | | Đại học | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 244 | Nguyễn Tấn Trường An | 16/02/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 245 | Đỗ Kế Thiện | 13/10/1996 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 246 | Diệp Tuyết Vân | 05/04/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 247 | Nguyễn Lê Minh Phương | 22/12/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 248 | Nguyễn Tuyết Hạnh | 06/05/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 249 | Tạ Thị Thanh Thảo | 13/12/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 250 | Trần Thị Cẩm Nhung | 12/07/1996 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 251 | La Hải Kỳ | 16/09/1997 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 252 | Trang Thị Hoài Thy | 31/07/1999 | Nữ | | Đại học | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 253 | Nguyễn Thị Ngọc Anh | 29/10/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 254 | Trần Đức Tài | 02/03/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 255 | Phạm Tạ Thu Thâu | 10/01/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 256 | Lê Ngọc Anh Thư | 28/02/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 257 | Trương Minh Ký | 26/06/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 258 | Dương Nguyễn Phi Hùng | 01/08/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 259 | Mai Thị Kim Sương | 10/02/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 260 | Nguyễn Thị Phương Nga | 01/07/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|----------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| 261 | Nguyễn Thị Hà | 20/05/1954 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 262 | Hoàng Thị Thu Hà | 25/11/1956 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 263 | Đoàn Thị Giới | 14/11/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 264 | Vũ Thị Ninh | 01/02/1995 | Nữ | | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 265 | Phạm Thị Kim Cúc | 21/10/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 266 | Lê Thị Duyên | 15/10/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 267 | Nguyễn Mạnh Khương | 18/11/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 268 | Nguyễn Quang Hưng | 16/09/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 269 | Nguyễn Đức Thành | 06/01/1970 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 270 | Đình Thành Trung | 22/06/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 271 | Ngô Thị Hồng Xuân | 02/01/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 272 | Trần Thị Hạnh | 03/12/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 273 | Vũ Trung Thu | 13/09/1974 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 274 | Nguyễn Văn Ba | 09/10/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 275 | Trần Thị Lợi | 15/01/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 276 | Nguyễn Thị Tố Hồng | 10/06/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 277 | Đoàn Trọng Thiệu | 02/05/1950 | Nam | | Tiến sĩ | Quan hệ công chúng |
| 278 | Bùi Thị Hương Liễu | 30/04/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 279 | Lê Thị Thúy Hằng | 13/06/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 280 | Trương Thị Thúy Hằng | 26/08/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 281 | Nguyễn Thị Lợi | 08/08/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 282 | Tạ Quang Nhật | 12/10/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 283 | Nguyễn Thị Bảo Trâm | 13/07/1988 | Nữ | | Tiến sĩ | Quan hệ công chúng |
| 284 | Hồ Thế Hà | 10/06/1955 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Quan hệ công chúng |
| 285 | Nguyễn Văn Hoàn | 20/10/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 286 | Phạm Thị Xuân Vĩnh | 01/06/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 287 | Nguyễn Thị Phước | 20/04/1976 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 288 | Phan Thị Ngọc Linh | 15/03/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 289 | Lâm Tú Uyên | 21/12/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|--------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 290 | Ngô Nữ Quỳnh Trâm | 14/11/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 291 | Hoàng Thị Mỹ Duyên | 19/03/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 292 | Ban Hoàng Minh | 24/11/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 293 | Lê Phương Uyên | 10/01/1996 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 294 | Trần Đình Huy | 21/12/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 295 | Lê Võ Liễu Hoàng | 06/11/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 296 | Nguyễn Thành Đạo | 26/10/1955 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 297 | Nguyễn Văn Minh | 15/06/1972 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 298 | Phan Văn Nam | 01/01/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 299 | Lê Đoàn Duy Khánh | 23/07/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 300 | Nguyễn Thái Hoàng Chương | 05/03/1998 | Nam | | Đại học | Quan hệ công chúng |
| 301 | Nguyễn Lê Minh Duy | 18/10/1998 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 302 | Đoàn Ngọc Lê | 14/07/1965 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 303 | Lê Thị Nguyệt Hằng | 15/07/1969 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 304 | Bùi Thị Kim Phượng | 18/11/1973 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 305 | Hoàng Thị Ngọc Hạnh | 05/08/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 306 | Phạm Thị Kim Trâm | 17/12/1983 | Nữ | | Tiến sĩ | Quan hệ công chúng |
| 307 | Nguyễn Thị Kim Trinh | 28/09/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 308 | Vương Thị Đỗ Quyên | 27/11/1958 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 309 | Huỳnh Thanh Tuấn | 31/01/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 310 | Thạch Huỳnh Nhung | 25/06/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 311 | Đặng Hoàng Định | 15/05/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 312 | Nguyễn Minh Trung | 09/09/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 313 | Lê Văn Thanh Tường | 15/07/1994 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 314 | Nguyễn Phú Vinh | 10/06/1994 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 315 | Đặng Thị Mỹ Thanh | 26/11/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 316 | Lê Thị Mỹ Hạnh | 28/05/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 317 | Đặng Thanh Tuấn | 15/09/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 318 | Phan Tiến Đạt | 17/08/1996 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|-------------------------------------|
| 319 | Lê Nguyễn Minh Huyền | 28/05/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 320 | Nguyễn Thị Huỳnh Thương | 17/11/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ công chúng |
| 321 | Nguyễn Bá Sinh | 24/02/1959 | Nam | | Tiến sĩ | Quan hệ công chúng |
| 322 | Lê Thị Bích Hải | 27/09/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 323 | Phạm Ngọc Anh | 01/12/1981 | Nam | | Tiến sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 324 | Bùi Văn Huy | 07/05/1999 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 325 | Lê Minh Sướng | 13/12/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 326 | Phan Thị Hải Yến | 05/12/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 327 | Hoàng Thị Kim Liên | 01/07/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 328 | Du Quốc Đạo | 09/05/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 329 | Phạm Thị Yên | 10/02/1982 | Nữ | | Tiến sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 330 | Nguyễn Thị Ngọc Quyên | 10/04/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 331 | Danh Kiên Cường | 18/09/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 332 | Nguyễn Thị Hồng Yến | 15/05/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 333 | Nguyễn Ngô Vũ Uyên | 05/12/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 334 | Phạm Thị Thanh Thúy | 12/11/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 335 | Nguyễn Ngọc Trúc Ly | 27/03/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 336 | Lê Thị Viên | 30/10/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Quan hệ quốc tế |
| 337 | Đặng Thành Trung | 07/10/1975 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 338 | Đỗ Quốc Giang | 01/11/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 339 | Nguyễn Thị Hương | 28/03/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 340 | Phùng Thị Bảo Châu | 01/07/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 341 | Lê Hoàng Quang Dinh | 22/03/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 342 | Ngô An | 01/04/1953 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | lữ hành |
| 343 | Nguyễn Hoàng Vũ | 20/04/1997 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 344 | Nguyễn Phùng Thu Trinh | 10/12/1996 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 345 | Nguyễn Thanh Lộc | 06/03/1977 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 346 | Nguyễn Lê Minh Hiếu | 10/12/1997 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 347 | Nguyễn Thị Hiền | 05/02/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 348 | Trần Thanh Trâm | 31/12/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 349 | Trần Thị Tường Vi | 21/05/1981 | Nữ | | Tiến sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 350 | Nguyễn Trúc Viên | 11/08/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 351 | Chu Mạnh Đăng | 16/10/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 352 | Đinh Thị Ngọc Oanh | 07/01/1993 | Nữ | | Đại học | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 353 | Bùi Thị Ngọc Trâm | 17/03/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 354 | Nguyễn Khắc Hoàng Lâm | 17/08/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 355 | Nguyễn Thị Huỳnh Như | 24/08/1998 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 356 | Nguyễn Thị Diễm Tuyết | 05/10/1970 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|-------------------------------------|
| 357 | Lê Thị Thanh Thảo | 27/10/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 358 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 07/12/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 359 | Trương Thị Thanh Tuyền | 06/10/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 360 | Dương Thái Bảo | 08/11/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 361 | Nguyễn Thanh Nhân | 30/03/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 362 | Đoàn Đại Dương | 06/11/1982 | Nam | | Đại học | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 363 | Đỗ Hùng Khánh Đạt | 19/02/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 364 | Nguyễn Hà Thanh Bình | 01/11/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 365 | Nguyễn Thị Thu Thủy | 28/02/1972 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 366 | Trần Thị Thuận | 26/09/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 367 | Nguyễn Long Trâm Anh | 22/03/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 368 | Bùi Mai Hoàng Lâm | 29/10/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 369 | Nguyễn Quốc Thệ | 16/06/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 370 | Hồ Lưu Phúc | 24/11/1996 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 371 | Lê Hoàng Ngô Hưng | 16/06/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|---------------------|------------|-----------|-----------|------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | lữ hành |
| 372 | Nguyễn Thị Bích Vân | 06/12/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 373 | Trần Trọng Lễ | 13/03/1981 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 374 | Hà Sơn Bảo | 27/06/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 375 | Lý Ngọc Đông | 24/10/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 376 | Nguyễn Bảo Xìa | 25/10/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 377 | Tô Hồng Gấm | 10/02/1995 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 378 | Bùi Phi Tiễn | 07/09/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 379 | Phùng Thị Mỹ Hậu | 24/01/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 380 | Trần Hữu Cần | 09/02/1998 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| 381 | Lại Tùng Quân | 31/10/1980 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị khách sạn |
| 382 | Phạm Thị Xuân Thọ | 01/09/1957 | Nữ | | Tiến sĩ | Quản trị khách sạn |
| 383 | Hạp Thị Tuyên | 10/07/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 384 | Nguyễn Thị Vân | 28/10/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 385 | Nguyễn Hải An | 23/05/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 386 | Nguyễn Thị Việt Anh | 18/09/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 387 | Trương Thị Hòa | 13/03/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 388 | Vũ Thị Đoài | 08/08/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 389 | Lê Ngọc Trà | 12/10/1945 | Nam | Giáo sư | Tiến sĩ | Quản trị khách sạn |
| 390 | Nguyễn Ngọc Hoàng | 10/10/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 391 | Đỗ Thị Thùy Dung | 31/07/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 392 | Võ Phan Trúc Phương | 29/10/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 393 | Nguyễn Thị Nhật Trâm | 21/04/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 394 | Phạm Gia Long | 02/12/2000 | Nam | | Đại học | Quản trị khách sạn |
| 395 | Hoàng Anh Tú | 03/12/1999 | Nam | | Đại học | Quản trị khách sạn |
| 396 | Nguyễn Thùy Diễm | 09/10/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 397 | Phạm Thị Như Thủy | 03/07/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 398 | Dương Thị Loan | 07/05/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 399 | Huỳnh Thị Ái Trúc | 05/12/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 400 | Phạm Nguyên Xuân Lộc | 02/12/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 401 | Nguyễn Thị Tuyết | 19/02/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 402 | Nguyễn Duy Hưng | 16/06/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 403 | Lê Thị Hồng Nhi | 11/09/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 404 | Võ Minh Hiệp | 29/03/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 405 | Nguyễn Minh Truyền | 07/01/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 406 | Nguyễn Anh Huy | 26/12/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 407 | Phạm Hùng Linh | 10/10/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 408 | Võ Quang Dũng | 11/07/1991 | Nam | | Đại học | Quản trị khách sạn |
| 409 | Lại Võ Đăng Khoa | 22/07/1997 | Nam | | Đại học | Quản trị khách sạn |
| 410 | Trần Tuấn Phong | 08/06/1998 | Nam | | Đại học | Quản trị khách sạn |
| 411 | Võ Nguyễn Bảo Trân | 29/09/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 412 | Cao Minh Thủy Nguyên | 29/11/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 413 | Đông Thị Quyên | 16/10/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 414 | Nguyễn Thúy Vy | 11/12/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 415 | Nguyễn Tấn Danh | 28/05/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 416 | Nguyễn Thị Hồng Phượng | 24/01/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 417 | Lê Thị Ánh Nguyệt | 01/01/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 418 | Lê Thị Thu Thủy | 17/09/1955 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 419 | Thái Thị Ánh Tuyết | 07/09/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| 420 | Nguyễn Thị Hóa | 25/10/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 421 | Lê Thế Du | 15/08/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 422 | Nguyễn Trần Vũ Phương | 30/06/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 423 | Võ Tiến Dũng | 10/10/1972 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 424 | Nguyễn Khắc Duy | 24/04/1973 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 425 | Trần Khoa Minh | 15/04/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 426 | Triệu Cẩm Tùng | 25/09/1997 | Nam | | Đại học | Quản trị khách sạn |
| 427 | Lê Thị Ngọc Khánh | 09/02/2000 | Nữ | | Đại học | Quản trị khách sạn |
| 428 | Trần Anh Đức | 26/03/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 429 | Lý Thái Nhân | 10/10/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 430 | Phan Văn Phúc | 22/02/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 431 | Nguyễn Phát Tài | 19/11/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 432 | Huỳnh Duy Bách | 17/04/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 433 | Lâm Thùy Linh | 30/08/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 434 | Nguyễn Tuấn Việt | 03/07/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị khách sạn |
| 435 | Mai Thị Nguyệt Nga | 04/06/1955 | Nữ | | Tiến sĩ | Tâm lý học |
| 436 | Phan Thị Kim Ngân | 30/12/1961 | Nữ | | Tiến sĩ | Tâm lý học |
| 437 | Nguyễn Văn Nhận | 06/02/1947 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Tâm lý học |
| 438 | Nguyễn Hữu Vương | 12/11/1949 | Nam | | Tiến sĩ | Tâm lý học |
| 439 | Ngô Quang Ty | 01/06/1950 | Nam | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 440 | Nguyễn Thị Hải Bắc | 01/11/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 441 | Trần Thị Huyền | 26/10/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 442 | Nguyễn Sinh Phúc | 24/01/1954 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Tâm lý học |
| 443 | Nguyễn Văn Nghĩa | 04/05/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 444 | Hoàng Minh Phú | 09/09/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 445 | Nguyễn Thị Đỗ Quyên | 12/09/1983 | Nữ | | Tiến sĩ | Tâm lý học |
| 446 | Nguyễn Thị Bích Thủy | 08/08/1976 | Nữ | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 447 | Trần Thị Qua | 06/08/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 448 | Trần Thị Thu Vân | 12/09/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Tâm lý học |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|-----------------------------|
| 449 | Trịnh Huy Anh Dũng | 11/02/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 450 | Nguyễn Đỗ Tùng | 12/07/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 451 | Phạm Đình Khanh | 25/09/1995 | Nam | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 452 | Nguyễn Duy Hải | 13/08/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 453 | Phạm Thị Hồng Thái | 14/02/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 454 | Nguyễn Trọng Phương | 26/01/1993 | Nam | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 455 | Nguyễn Thị Lang | 30/08/1959 | Nữ | | Đại học | Tâm lý học |
| 456 | Nguyễn Hà Thu Duyên | 10/09/1984 | Nữ | | Đại học | Tâm lý học |
| 457 | Phạm Trung Vạn | 22/09/1996 | Nam | | Đại học | Tâm lý học |
| 458 | Nguyễn Hoài Nam | 01/08/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 459 | Trần Xuân Quang | 25/05/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 460 | Nguyễn Thị Minh Giang | 28/08/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 461 | Nguyễn Hoàng Quế Trâm | 02/02/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Tâm lý học |
| 462 | Phạm Đức Việt | 02/10/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 463 | Nguyễn Thị Thúy | 02/08/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 464 | Tạ Trần Trọng | 02/06/1949 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 465 | Trần Xuân Tiên | 18/08/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 466 | Lê Anh Tuấn | 14/01/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 467 | Phạm Thị Hương | 05/11/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 468 | Lê Văn Mạnh | 10/03/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 469 | Nguyễn Thị Hồng Thủy | 09/04/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 470 | Đinh Thị Hải Yến | 20/06/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 471 | Trần Thị Thắm | 13/10/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 472 | Nguyễn Tấn Tuyền | 18/05/1986 | Nam | | Tiến sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 473 | Nguyễn Thị Vĩnh Thịnh | 20/06/1995 | Nữ | | Đại học | Truyền thông đa phương tiện |
| 474 | Nguyễn Đăng Hoàng Vũ | 15/02/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 475 | Lê Thị Tường Vân | 25/06/1992 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 476 | Lê Thị Thảo | 15/03/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 477 | Trần Anh Tuấn | 31/12/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|-----------------------------|
| 478 | Huỳnh Thị Mai Trinh | 14/10/1981 | Nữ | | Tiến sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 479 | Võ Nhật Luân | 15/04/1986 | Nam | | Tiến sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 480 | Lê Thị Bích Hạnh | 13/09/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 481 | Nguyễn Thị Hoàng Lam | 01/11/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 482 | Lê Ngọc Bảo | 30/12/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 483 | Nguyễn Thị Thu Trang | 14/06/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 484 | Đình Công Viễn Phương | 04/11/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 485 | Trần Thị Mộng | 14/06/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 486 | Nhâm Tuấn Cảnh | 30/12/1991 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 487 | Lê Thị Thùy | 17/11/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 488 | Nguyễn Hoàng Thi | 20/09/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 489 | Trần Huỳnh Hoàng Long | 29/06/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 490 | Trần Minh Dũng | 08/12/1994 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 491 | Nguyễn Trí Xuân | 17/11/1996 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 492 | Nguyễn Bình Duy | 01/05/1971 | Nam | | Tiến sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 493 | Lê Đình An | 18/09/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 494 | Trương Minh Dũng | 26/12/1985 | Nam | | Tiến sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 495 | Nguyễn Thành Phước | 19/10/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 496 | Phùng Trung Hiếu | 31/03/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 497 | Nguyễn Đoàn Hoàng Long | 21/12/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 498 | Phan Nhân Hòa | 18/11/1995 | Nam | | Đại học | Truyền thông đa phương tiện |
| 499 | Lê Phương Khanh | 01/08/1998 | Nam | | Đại học | Truyền thông đa phương tiện |
| 500 | Dương Thị Thanh Thủy | 12/12/1964 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 501 | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt | 07/12/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 502 | Phạm Thị Ánh Tuyết | 20/07/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 503 | Nguyễn Thị Thu Hà | 11/10/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 504 | Trần Đỗ Ngọc Dung | 27/06/1998 | Nữ | | Đại học | Truyền thông đa phương tiện |
| 505 | Bùi Văn Thức | 30/06/1973 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 506 | Nguyễn Thị Diễm Sương | 28/04/1996 | Nữ | | Đại học | Truyền thông đa phương tiện |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-------------|------------------|-----------------------------|
| 507 | Đặng Thế Hùng | 16/07/1977 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 508 | Nguyễn Thanh Liêm | 04/09/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 509 | Phan Thị Phương Loan | 07/03/1997 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 510 | Lương Thị Lệ Xuân | 28/07/1966 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 511 | Lê Việt Hồ | 01/01/1996 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 512 | Nguyễn Thị Thanh Tiếng | 25/06/1965 | Nữ | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 513 | Đặng Hồng Tăng | 05/01/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Truyền thông đa phương tiện |
| 514 | Lê Quang Hưng | 10/04/1956 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Văn học |
| 515 | Cao Thị Hồng | 20/05/1968 | Nữ | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Văn học |
| 516 | Ngô Văn Giá | 30/03/1958 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Văn học |
| 517 | Đoàn Thị Huệ | 15/02/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Văn học |
| 518 | Nguyễn Mạnh Hùng | 15/05/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Văn học |
| 519 | Nguyễn A Say | 23/08/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Văn học |
| 520 | Nguyễn Thị Thu Trang | 16/04/1964 | Nữ | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Văn học |
| 521 | Đình Công Thanh Tùng | 10/04/1995 | Nam | | Thạc sĩ | Văn học |
| 522 | Hồ Văn Quốc | 30/06/1975 | Nam | | Tiến sĩ | Việt Nam học |
| 523 | Đặng Quốc Minh Dương | 07/09/1975 | Nam | | Tiến sĩ | Việt Nam học |
| 524 | Trần Thị Kim Xuyên | 06/01/1953 | Nữ | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Xã hội học |
| 525 | Tôn Thị Thảo Miên | 06/04/1956 | Nữ | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Xã hội học |
| 526 | Trần Thị Cẩm Tú | 04/07/2000 | Nam | | Đại học | Xã hội học |
| 527 | Lê Minh Thắng | 03/02/1985 | Nam | | Đại học | Xã hội học |
| 528 | Nguyễn Hà Mỹ Nhi | 01/04/1997 | Nữ | | Đại học | Xã hội học |
| 529 | Lê Thị Hoàng Liễu | 25/06/1961 | Nữ | | Tiến sĩ | Xã hội học |
| 530 | Trần Thị Ngọc Huyền | 21/09/1990 | Nữ | | Đại học | Xã hội học |

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

| II | Khối ngành | Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi |
|-----------|-------------------|--|
| 1 | Khối ngành I | - |
| 2 | Khối ngành II | 7 |
| 3 | Khối ngành III | 21 |
| 4 | Khối ngành IV | 11 |
| 5 | Khối ngành V | 16 |
| 6 | Khối ngành VI | 5 |
| 7 | Khối ngành VII | 24 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 7 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức